TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG "CHUYỆN ĐỜI XƯA" (1866) CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ

Dương Thu Hằng *(Trường ĐH Sư phạm – ĐH Thái Nguyên)*

Tên đầy đủ của ấn phẩm quốc ngữ đầu tiên xuất bản năm 1866 tại Sài Gòn là *Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* (thường được gọi ngắn gọn là *Chuyện đời xưa*) của nhà văn - đồng thời cũng là nhà văn hóa lớn Trương Vĩnh Ký. Ấn phẩm này được xem là nhịp cầu nối giữa nền văn xuôi quốc ngữ hiện đại với nguồn mạch văn học dân gian dân tộc. Tuy vậy, *Chuyện đời xưa* chưa được các nhà nghiên cứu chú ý đúng mức. Có thể nói, hầu hết các nhận định, đánh giá về tác phẩm này mới chỉ dừng ở mức độ sơ bộ, chung chung mà chưa đi sâu vào khảo sát tác phẩm cụ thể. Tuy nhiên, ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước như: Thanh Lãng [4], Nguyễn Thị Thanh Xuân [5], Nguyễn Văn Hiệu [2]… chính là những gợi dẫn thôi thúc chúng tôi tìm hiểu ngôn ngữ *Chuyện đời xưa* với tư cách là một đối tượng nghiên cứu riêng biệt.

Tập truyện bao gồm 74 tác phẩm do Trương Vĩnh Ký sưu tầm, biên soạn từ trong văn học dân gian với nhiều thể loại như: truyện cổ tích (*Tích hang ông Từ Thức, Trần Miên (Minh) Khố Chuối*…), truyện cười (*Mẹ chồng nàng dâu ăn vụng, Cha điếc, mẹ điếc, con điếc, rể điếc*…), truyện ngụ ngôn (*Con cóc với con chuột, Con chó với con gà*…), và có truyện lại chỉ là giai thoại được ghi lại (*Bài thơ cái lưỡi*…). Do có sự hỗn dung như vậy nên trên thực tế, văn bản có những chỗ không thống nhất. Nhà nghiên cứu Bằng Giang đã thống kê nhiều cách viết tên tập truyện này. Từ những lí do khác nhau, có người viết là *Chuyện đời xưa,* có người viết là *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích*, lại có người viết là *Chuyện đời xưa, nhón lấy những chuyện hay và có ích*… Tựu trung, ba chữ "chuyện đời xưa" giúp ta xác định được nội dung chính của tập truyện là những truyện xưa tích cũ. Còn "lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích" cho thấy mục đích cũng như phương pháp làm việc của Trương Vĩnh Ký. Nói cách khác, sự lựa chọn của Trương Vĩnh Ký khi sưu tầm các tác phẩm văn học dân gian dựa trên hai tiêu chí là "hay" và "có ích". Đây có thể xem như một điểm tiến bộ, bởi văn học trung đại đến cuối thế kỷ XIX vẫn chưa thoát ra khỏi quan niệm "văn dĩ tải đạo" – đồng nghĩa với việc đặt tiêu chí có ích về nội dung lên trên hết. Trương Vĩnh Ký đã nhấn mạnh cái "hay" - yếu tố nghệ thuật của tác phẩm - phải chăng đây chính là quan niệm mới về văn chương của ông? Nếu như vậy, "*Những chuyện hay và có ích bộc lộ quan điểm Trương Vĩnh Ký về tiêu chí văn chương. Ông đặt ra yêu cầu hay trước yêu cầu có ích, đó chẳng phải là dụng ý đáng cho ta suy nghĩ*" [5]? Vậy cái *hay* mà Trương Vĩnh Ký đề cao là gì và nó có ý nghĩa gì đối với quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam?

Dễ nhận ra đặc điểm nổi bật nhất trong *Chuyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký chính là "*Lối văn bình dị, mộc mạc, quê mùa, trơn tuột như lời nói*" [4]. Có thể thấy ông đã chủ động dùng ngôn ngữ nói để làm văn chương nhằm đưa nội dung đạo đức truyền thống trong các tác phẩm văn học dân gian đến với quảng đại quần chúng nhân dân. Khi cho tái bản *Chuyện đời xưa* ông đã nói rõ: "*Nay ta in sách này lại nữa, vì đã hết đi, cũng vì người ta dùng sách này mà học tiếng thì lấy làm có ích. Vì trong ấy cách nói chính là cách nói tiếng An Nam ròng, có nhiều tiếng nhiều câu thường dùng lắm*" [3]. Tức là Trương Vĩnh Ký đã chủ trương sử dụng cách hành văn "nói sao viết

vậy" khác với thói quen viết văn với thứ ngôn ngữ đầy tính ước lệ, tượng trưng của văn học truyền thống. Đây là một đóng góp quan trọng của Trương Vĩnh Ký đối với quá trình hiện đại hóa nền văn học Việt Nam nói chung, với dòng văn xuôi quốc ngữ Nam bộ nói riêng.

Chúng tôi bước đầu xem xét phong cách ngôn ngữ bình dân mang màu sắc khẩu ngữ của Trương Vĩnh Ký trong *Chuyện đời xưa* ở hai phương diện Lời thoại của nhân vật và Lời văn trần thuật của tác giả.

1. Lời thoại của nhân vật

Trong truyện *Con chồn và con cọp*, lời thoại của chồn và cọp rất gần gũi như lời ăn tiếng nói hàng ngày của tầng lớp bình dân:

Chồn: "*Ủa! Vậy anh không có nghe đồn gì sao? Người ta đồn đến mai nầy trời sập*".

Cọp: "*Cơ khổ thôi! Nhưng tôi không hay một điều? Mà có thật vậy hay người ta đồn huyễn vậy anh?*"

Chồn: "*Ấy, không thật làm sao? Bởi vậy...*"

Cọp: "*Thôi, vậy thì xin anh cho tôi xuống đó với anh cho có bạn*".

Chồn: "*Ừ, mặc ý xuống thì xuống*".

Các từ: *ủa, cơ khổ thôi, ấy, thôi, ừ...*, chính là những từ biểu thị sắc thái biểu cảm thông tục (chủ yếu là từ cảm thán như *ôi, ấy, ái, trời ơi, cha mẹ ơi*... và từ ngữ khí như *à, ư, nhỉ, nhé*...) khi nói. Khi đưa vào trong truyện, Trương Vĩnh Ký vẫn giữ nguyên các từ ấy cùng với các lời văn mộc mạc, đơn sơ tạo cho người đọc cảm thấy rất gần gũi, dễ hiểu.

Trong truyện *Ông Cống Quỳnh*, khi được vua hỏi có cách chi để lấy nước trong chai thủy tinh không có miệng do sứ Tàu tiến dẫn thì Cống Quỳnh thưa: "*Tưởng là giống gì khó lắm, việc này liệu được mà*". Khi vua hỏi cách chọi trâu, Cống Quỳnh cũng thưa: "*Muôn tâu bệ hạ, có khó chi để tôi về tôi tính…*". Khi trâu Tàu thua, Quỳnh vừa vỗ tay vừa la: "*thèm đem trâu lớn đâu; sức nghé con, ốm tong ốm teo, mà trâu kia còn phải thua nữa là!*". Hay Cống Quỳnh sau khi lừa các quan đến nhà mình ăn tiệc mà không chịu đãi, cứ mời rượu cho các quan say, rồi đưa quan này về nhà quan kia mà ngủ, sáng hôm sau gặp lại, Quỳnh nói: "(…) *té ra các ông báo hại tôi, thôi hôm nay thịt cá ê hề ăn không hết*".

Rõ ràng, xưa nay có ai xưng "tôi" với vua? Thêm nữa, các cụm từ "*tưởng là giống gì*", "*thèm đem*", "*ốm tong ốm teo*", "*té ra*"… đều là những cụm từ thường dùng trong đời sống hàng ngày của tầng lớp bình dân. Chỉ có văn phong khẩu ngữ mới chấp nhận những từ ngữ có sắc thái thông tục của những từ đánh giá hoặc miêu tả hành vi như vậy. Sử dụng lớp từ này, ngôn ngữ trong *Chuyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký tiêu biểu cho ngôn ngữ nơi cửa miệng của người dân, đặc biệt là người dân Nam Bộ, nói năng đơn giản, nghĩ sao nói vậy, không cầu kỳ trau chuốt.

Người đọc còn bắt gặp nhiều những lời thoại nôm na, bình dân, mang tính khẩu ngữ như thế trong các tác phẩm khác của Trương Vĩnh Ký. Ngôn ngữ ấy, một phần do ảnh hưởng cách nói của dân gian và một phần do ngôn ngữ văn xuôi buổi đầu chưa có vốn từ phong phú để diễn đạt linh hoạt, mặc dù Trương Vĩnh Ký là một nhà ngôn ngữ học đương thời.

2. Lời văn trần thuật

Trong một tác phẩm văn học, ngoài ngôn ngữ đối thoại còn có ngôn ngữ trần thuật (là ngôn ngữ kể) nhằm dẫn dắt nội dung truyện. Nhìn một cách tổng quát, ở văn học trung đại, ngôn ngữ đối thoại còn ít, ngôn ngữ kể (trần thuật) là chủ yếu. Tuy vậy, điểm khác biệt giữa văn trần thuật của Trương Vĩnh Ký với các tác giả văn học trung đại chính là ở chỗ:

lời văn trần thuật của ông mang tính khẩu ngữ - quen thuộc, mộc mạc, bình dân.

Hãy xem một đoạn ở truyện *Chàng rể bắt chước cha vợ* sẽ thấy được tính chất khẩu ngữ trong lời kể chuyện của Trương Vĩnh Ký. Sau khi chàng rể nghe lời ông mai thấy cha vợ làm gì thì làm theo, khiến cha vợ tưởng con rể bị điên, mới bỏ chạy về nhà. Đây là đoạn kể lại những gì xảy ra:

"*Ông gia nó mới tin chắc nó điên thật; nên cong lưng chạy riết về nhà. Thở hào hển chạy ngay vô nhà, thấy mụ ngồi trong bếp đang chổng chồng mông thổi lửa, mới đá mông mụ một đá, biểu chạy trốn đi: Thằng rể nó điên thật. Chàng rể chạy xợt, thấy bà mẹ còn đó, cũng bắt chước giơ chân đá mụ một đá như ổng vậy. Hai ông bà chạy chun núp dưới vựa lúa. Nó cũng chun theo. Hai ông bà thất kinh hồn vía, sợ dại nó có làm hung chăng nên mới la làng lên. Nó cũng bắt chước la làng lên nữa*".

Cách hành văn tuyến tính của tác giả đúng là cách kể chuyện có tính chất truyền miệng giữa người này với người khác. Nó diễn tiến theo thời gian, lần lượt xảy ra. Lớp từ để tác giả dùng kể lại chuyện thể hiện rõ dấu hiệu khẩu ngữ ưa dùng những từ có sắc thái cực đại, lối xưng hô thân mật và bày tỏ rõ thái độ của người nói. Đó cũng chính là ngôn ngữ nói hàng ngày của người bình dân: "cong lưng chạy riết về nhà", "thở hào hển", "chổng chồng mông",… Xét về cấu trúc hình thức, lớp từ khẩu ngữ khá lỏng lẻo dẫn tới khả năng biến đổi cấu trúc vốn có cao (*học hành = học với chả hành, đàn ông = đàn ông đàn ang, chổng mông = chổng chồng mông*...). Trương Vĩnh Ký đã sử dụng ngôn ngữ ấy đưa lên trang văn của mình, làm cho tác phẩm văn học chữ quốc ngữ đầu tiên này đầy tính mới, lạ và trở nên thú vị đối với người thưởng thức văn chương đương thời.

Cũng như vậy, ở truyện *Thằng khờ đi mua vịt*, chi tiết khi chồng khờ bị lừa, tác giả viết: "*Chưởi thôi cũng đã mỏi miệng, ngồi gầm đầu đó mà chịu*...". Đoạn văn này vừa diễn tả tâm trạng của người kể, vừa miêu tả được diễn biến câu chuyện lúc đó.

Tính khẩu ngữ trong cách kể chuyện của Trương Vĩnh Ký còn xuất hiện ở rất nhiều đoạn văn khác. Chẳng hạn, đoạn nói về đứa cháu mượn vạc đồng không trả, bị chú đi kiện tụng, cháu nói láo, hại chú trả thù:

"*Nó biết chú nó lo đi kiện nó, thì lật đật bảo vợ đi mua một con vạc đồng, xách đi theo sau. Tới nhà, quan hỏi; nó biểu vợ cung khai xong rồi, xin đem trả trước mặt quan, kẻo sau đàng kia có nói ngược chăng. Vậy nói vạc đồng thì nó đem con vạc đồng nó trả. Chú nó đi kiện mà nói không có rạch, không a mí, cho nên mắc lí, phải nhận lấy mà đem về, mà trong lòng căm giận căm gan, lo kiếm thế báo nó cho bõ ghét. Mình vậy mà đi thua trí thằng con nít; tức mình…*".

Như vậy, cách kể chuyện của Trương Vĩnh Ký thể hiện rất rõ chủ ý bình dân hóa ngôn ngữ của ông. Hầu như tất cả các đoạn văn trần thuật trong *Chuyện đời xưa* đều là ngôn ngữ kể, ngôn ngữ nói, tức là khẩu ngữ chứ không phải ngôn ngữ viết. Bởi thế, nó đơn sơ, mộc mạc, gần gũi, thậm chí có chỗ thô vụng, gần gũi với đời sống nhân dân chứ không phải thứ ngôn ngữ văn chương trau chuốt thường thấy trên những trang văn trước đó và sau này. Đây còn là điểm khác biệt lớn nhất giữa Trương Vĩnh Ký và các tác giả cùng thời. Chẳng hạn, cùng trong lĩnh vực biên khảo, nếu *Chuyện giải buồn* của Huỳnh Tịnh Của vẫn mang đặc trưng của văn xuôi trung đại, ngôn ngữ vẫn mang vẻ trang trọng

của Hán tự và cú pháp câu văn biền ngẫu [1]… thì *Chuyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký lại gần với truyện ngắn hiện đại với ngôn ngữ nôm na, bình dân, mang tính khẩu ngữ, đậm tính địa phương...

Theo Trương Vĩnh Ký, mục đích sưu tầm, biên soạn các tác phẩm văn học dân gian nói chung, *Chuyện đời xưa* nói riêng không có gì khác ngoài việc phổ biến chữ quốc ngữ và cổ động sự học trong nhân dân. Tuy nhiên, ý nghĩa của công việc này không chỉ dừng ở đó. Trong khung cảnh tinh thần văn hóa Việt Nam bấy giờ, Trương Vĩnh Ký đã phải rất nỗ lực vượt qua mọi trở ngại để sưu tầm, tập hợp, hệ thống tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu và văn bản hóa nó, biến các tác phẩm dùng để kể cho nhau nghe thành các truyện để đọc và có thể thưởng thức, lưu giữ, níu kéo cũng như củng cố lại vị trí của văn học dân gian Việt Nam trong giai đoạn đầy xáo động của lịch sử xã hội đương thời. Đặc biệt, lối hành văn mới mẻ của ông còn có ý nghĩa tích cực trong việc hình thành và trau dồi câu văn quốc ngữ thuở sơ khai.

Nhìn tổng thể, *Chuyện đời xưa* có nội dung phong phú và hình thức văn chương khá đặc trưng. Về nội dung, tuy vẫn kế tục mạch nguồn văn giáo huấn, nhưng các tác phẩm có nội dung đa dạng, nhiều chiều vẻ khiến cho các bài học đạo lí nho nhỏ mà lí thú hấp dẫn người đọc. Bên cạnh đó, hình thức văn chương bình dân, khẩu ngữ giúp cho tác phẩm dễ dàng đến với tất cả các tầng lớp công chúng đương thời, giúp họ thỏa mãn nhu cầu giải trí tức thời. Có lẽ đây chính là lí do mà tập *Chuyện đời xưa* - ấn phẩm đầu tiên bằng chữ quốc ngữ này lại được tái bản đến 10 lần. Thành công của *Chuyện đời xưa* đã góp phần khẳng định vai trò tiên phong của Trương Vĩnh Ký trong công cuộc xã hội hóa chữ quốc ngữ nói chung [2], cho quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam nói riêng 🕮

Summary

Truong Vinh Ky is a big cultural spot in the late 19th century. He did a lots of value works about culture and literature. "Chuyen doi xua" is one of them. It was the first story written in Vietnamese national language (by Latin alphabet) and published in 1866 in Sai Gon. Oral language in "Chuyen doi xua" is the most important thing. It is also the first sign for the way of Vietnamese literature modernizing.

Tài liệu tham khảo

[1]. Huỳnh Tịnh Của (1911), *Chuyện giải buồn* (in lại), Nhà in Phát Toán, Sài Gòn.

[2]. Nguyễn Văn Hiệu (2002), "Văn chương quốc ngữ Nam Bộ nhìn từ quá trình xã hội hóa chữ quốc ngữ", *Tạp chí Văn học*, số 5, tr.21-28.

[3]. P.J.B Trương Vĩnh Ký (1962), *Chuyện đời xưa*, (tái bản), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr.2.

[4]. Thanh Lãng (1967), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, quyển hạ, Nxb Trình Bày, Sài Gòn, 1967, tr.31.

[5]. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2000), *Văn học hiện đại Việt Nam bước khởi đầu quan trọng ở Sài Gòn - Nam Bộ*, Tạp chí Văn học, số 3, tr.33-38.